

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11, NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Lớp	Mã học sinh	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	DT	Ghi chú
1	11B1	2410759430	010024	Nguyễn Phước Hoàng Ánh	15/12/2009	Nữ	Kinh	
2	11B1	2410759450	010027	Đỗ Hoàng Gia Bảo	01/09/2009	Nam	Kinh	
3	11B1	2410759470	010026	Nguyễn Thiên Bảo	04/06/2009	Nam	Kinh	
4	11B1	2410759490	010028	Võ Gia Bảo	07/02/2009	Nam	Kinh	
5	11B1	2410759510	010057	Lê Quốc Dũng	14/08/2009	Nam	Kinh	
6	11B1	2410759530	010067	Đỗ Khánh Duy	01/05/2009	Nam	Kinh	
7	11B1	2410759550	010088	Nguyễn Cao Thanh Đoàn	27/08/2009	Nữ	Kinh	
8	11B1	2410759570	010103	Huỳnh Nguyễn Văn Hà	02/10/2009	Nữ	Kinh	
9	11B1	2410759590	010128	Hoàng Đức Hiếu	07/01/2009	Nam	Kinh	
10	11B1	2410759610	010135	Nguyễn Bá Hòa	10/09/2009	Nam	Kinh	
11	11B1	2410759630	010140	Nguyễn Huy Hoàng	07/08/2009	Nam	Kinh	
12	11B1	2410759650	010139	Trần Khải Hoàng	13/12/2009	Nam	Kinh	
13	11B1	2410759670	010171	Trương Kỳ Phạm Gia Hy	21/03/2009	Nữ	Kinh	
14	11B1	2410759690	010176	Lê Nguyễn Đức Kha	21/07/2009	Nam	Kinh	
15	11B1	2410759710	010177	Trịnh Ngọc Khang	21/03/2009	Nam	Kinh	
16	11B1	2410759730	010184	Nguyễn Đào Bảo Khánh	20/06/2009	Nữ	Kinh	
17	11B1	2410759750	010191	Nguyễn Duy Khoa	13/07/2009	Nam	Kinh	
18	11B1	2410759770	010197	Hồ Trần Phương Lam	03/07/2009	Nữ	Kinh	
19	11B1	2410759790	010209	Lê Việt Hoàng Lịch	20/11/2009	Nam	Kinh	
20	11B1	2410759810	010229	Quảng Thị Ngọc Mai	02/01/2009	Nữ	Kinh	
21	11B1	2410759850	010269	Trần Bảo Ngọc	04/06/2009	Nữ	Kinh	
22	11B1	2410759870	010305	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	18/07/2009	Nữ	Kinh	
23	11B1	2410759890	010312	Nguyễn Phúc An Nhiên	05/03/2009	Nữ	Kinh	
24	11B1	2410759910	010339	Võ Đình Quý	03/10/2009	Nam	Kinh	
25	11B1	2410759930	010347	Hoàng Đình Sang	29/10/2009	Nam	Kinh	
26	11B1	2410759950	010386	Nguyễn Thị Thạch Thảo	26/08/2009	Nữ	Kinh	
27	11B1	2410759970	010394	Võ Ngọc Minh Thi	07/10/2009	Nữ	Kinh	
28	11B1	2410759990	010396	Phạm Nguyễn Trung Thiên	13/01/2009	Nam	Kinh	
29	11B1	2410760010	010408	Phan Minh Thư	23/09/2009	Nữ	Kinh	
30	11B1	2410760030	010407	Trần Ngọc Anh Thư	10/06/2009	Nữ	Kinh	
31	11B1	2410760050	010419	Hà Thị Thương	03/06/2009	Nữ	Kinh	
32	11B1	2410760070	010361	Lê Đình Tiến	01/01/2009	Nam	Kinh	
33	11B1	2410760090	010434	Nguyễn Ngọc Trâm	23/05/2009	Nữ	Kinh	
34	11B1	2410760110	010444	Huỳnh Hồng Bảo Trân	30/12/2009	Nữ	Kinh	
35	11B1	2410760130	010452	Nguyễn Hồ Nhã Trúc	09/03/2009	Nữ	Kinh	
36	11B1	2410760150	010370	Trịnh Bảo Tú	07/01/2009	Nam	Kinh	
37	11B1	2410760170	010376	Ngô Lê Gia Tuệ	11/11/2009	Nữ	Kinh	
38	11B1	2410760190	010378	Võ Thị Ngọc Tuyền	01/10/2009	Nữ	Kinh	
39	11B1	2410760210	010462	Nguyễn Lê Tường Vi	06/01/2009	Nữ	Kinh	
40	11B1	2410760230	010466	Nguyễn Công Tiến Vinh	09/01/2009	Nam	Kinh	
41	11B1	2410760250	010471	Nguyễn Thạch Thảo Vy	09/03/2009	Nữ	Kinh	
42	11B1	2410760270	010475	Nguyễn Quốc Vỹ	06/11/2009	Nam	Kinh	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11, NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Lớp	Mã học sinh	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	DT	Ghi chú
1	11B2	2410807550	010004	Hồ Trâm Anh	23/06/2009	Nữ	Kinh	
2	11B2	2410807570	010002	Nguyễn Mai Anh	30/01/2009	Nữ	Kinh	
3	11B2	2410807590	010003	Nguyễn Phương Anh	30/04/2009	Nữ	Kinh	
4	11B2	2410807610	010038	Mai Thị Ngọc Châu	25/02/2009	Nữ	Kinh	
5	11B2	2410807630	010039	Vũ Ngọc Hân Châu	13/01/2009	Nữ	Kinh	
6	11B2	2410807650	010043	Nguyễn Đăng Quỳnh Chi	03/01/2009	Nữ	Kinh	
7	11B2	2410807670	010052	Trịnh Lê Chương	15/04/2009	Nam	Kinh	
8	11B2	2410807690	010035	Trương Quang Cường	23/11/2009	Nam	Kinh	
9	11B2	2410807710	010058	Trần Việt Dũng	15/07/2009	Nam	Kinh	
10	11B2	2410807730	010093	Nguyễn Quang Đức	19/04/2009	Nam	Kinh	
11	11B2	2410807750	010130	Hoàng Trung Hiếu	26/10/2009	Nam	Kinh	
12	11B2	2410807770	010129	Nguyễn Phước Hiếu	09/09/2009	Nam	Kinh	
13	11B2	2410807790	010136	Võ Thanh Hòa	04/03/2009	Nam	Kinh	
14	11B2	2410807810	010141	Nguyễn Đức Hoàng	09/08/2009	Nam	Kinh	
15	11B2	2410807830	010142	Trần Văn Hoàng	05/12/2009	Nam	Kinh	
16	11B2	2410807850	010160	Đậu Thị Ngọc Huyền	03/01/2009	Nữ	Kinh	
17	11B2	2410807870	010165	Nguyễn Chấn Hưng	03/05/2009	Nam	Kinh	
18	11B2	2410807890	010178	Nguyễn Lâm Duy Khang	18/10/2009	Nam	Kinh	
19	11B2	2410807910	010185	Mai Phước Vũ Khánh	12/09/2009	Nam	Kinh	
20	11B2	2410807930	010186	Trần Đình Khánh	03/04/2009	Nam	Kinh	
21	11B2	2410807950	010192	Nguyễn Minh Khoa	23/02/2009	Nam	Kinh	
22	11B2	2410807970	010203	Phạm Đỗ Minh Lâm	18/02/2009	Nam	Kinh	
23	11B2	2410807990	010246	Phạm Hồ Hoài Nam	24/08/2009	Nam	Kinh	
24	11B2	2410808010	010280	Phạm Đỗ Hoàng Nguyên	29/12/2009	Nữ	Kinh	
25	11B2	2410808030	010282	Phan Thảo Nguyên	15/07/2009	Nữ	Kinh	
26	11B2	2410808050	010281	Võ Khôi Nguyên	21/05/2009	Nam	Kinh	
27	11B2	2410808070	010323	Phan Phúc Phú	23/05/2009	Nam	Kinh	
28	11B2	2410808090	010334	Nguyễn Tiến Quân	25/07/2009	Nam	Kinh	
29	11B2	2410808110	010333	Trần Minh Quân	17/07/2009	Nam	Kinh	
30	11B2	2410808130	010350	Nguyễn Hoàng Sinh	27/08/2009	Nam	Kinh	
31	11B2	2410808150	010393	Gíp Minh Thắng	28/10/2009	Nam	Kinh	
32	11B2	2410808170	010401	Nguyễn Tiến Thiệu	09/10/2009	Nam	Kinh	
33	11B2	2410808190	010402	Châu Gia Thịnh	10/04/2009	Nam	Kinh	
34	11B2	2410808210	010409	Lê Hà Anh Thư	17/12/2009	Nữ	Kinh	
35	11B2	2410808230	010410	Phan Ngọc Anh Thư	19/07/2009	Nữ	Kinh	
36	11B2	2410808250	010362	Nguyễn Đăng Hữu Tiến	19/10/2009	Nam	Kinh	
37	11B2	2410808270	010435	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	12/07/2009	Nữ	Kinh	
38	11B2	2410808290	010445	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	07/03/2009	Nữ	Kinh	
39	11B2	2410808310	010464	Trần Trung Việt	12/05/2009	Nam	Kinh	
40	11B2	2410808330	010468	Trần Nhật Vũ	24/03/2009	Nam	Kinh	
41	11B2	2410808350	010479	Nguyễn Hoàng Hải Yến	09/03/2009	Nữ	Kinh	
42	11B2			Lê Hoàng Quỳnh Anh				

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11, NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Lớp	Mã học sinh	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	DT	Ghi chú
1	11B3	2410756790	010005	Đỗ Nhật Anh	01/02/2009	Nữ	Kinh	
2	11B3	2410756810	010007	Hồ Nguyễn Hải Anh	17/05/2009	Nữ	Kinh	
3	11B3	2410756830	010006	Nguyễn Đỗ Trâm Anh	12/09/2009	Nữ	Kinh	
4	11B3	2410756850	010029	Vũ Hoàng Bảo	24/10/2009	Nam	Kinh	
5	11B3	2410756870	010059	Mai Tiến Dũng	12/11/2009	Nam	Kinh	
6	11B3	2410756890	010071	Nguyễn Châu Mỹ Duyên	06/02/2009	Nữ	Kinh	
7	11B3	2410756910	010078	Hàn Nhật Quang Đại	11/03/2009	Nam	Kinh	
8	11B3	2410756930	010080	Nguyễn Tấn Đạt	01/12/2009	Nam	Kinh	
9	11B3	2410756950	010097	Nguyễn Lê Hoàng Gia	17/01/2009	Nam	Kinh	
10	11B3	2410756970	010111	Nguyễn Hoàng Hải	30/01/2009	Nam	Kinh	
11	11B3	2410756990	010116	Trần Uyên Hân	22/02/2009	Nữ	Kinh	
12	11B3	2410757010	010149	Nguyễn Thị Thu Huệ	23/06/2009	Nữ	Kinh	
13	11B3	2410757030	010166	Nguyễn Việt Hưng	22/10/2009	Nam	Kinh	
14	11B3	2410757050	010179	Nguyễn Lê Bảo Khang	10/08/2009	Nam	Kinh	
15	11B3	2410757090	010173	Lê Tuấn Kiệt	12/06/2009	Nam	Kinh	
16	11B3	2410757110	010174	Nguyễn Đức Gia Kiệt	18/11/2009	Nam	Kinh	
17	11B3	2410757130	010208	Ngô Gia Lê	03/10/2009	Nữ	Kinh	
18	11B3	2410757150	010233	Nguyễn Quang Minh	23/11/2009	Nam	Kinh	
19	11B3	2410757170	010236	Nguyễn Thùy Na My	29/06/2009	Nữ	Kinh	
20	11B3	2410757190	010245	Lê Ly Na	21/08/2009	Nữ	Kinh	
21	11B3	2410757210	010247	Phạm Ngọc Nam	19/05/2009	Nam	Kinh	
22	11B3	2410757230	010270	Nguyễn Thị Bích Ngọc	12/12/2009	Nữ	Kinh	
23	11B3	2410757250	010283	Đinh Thị Thảo Nguyên	22/08/2009	Nữ	Kinh	
24	11B3	2410757270	010284	Trần Nguyễn Trường Nguyên	22/04/2009	Nam	Kinh	
25	11B3	2410757290	010324	Võ Đông Thiên Phúc	19/10/2009	Nam	Kinh	
26	11B3	2410757310	010328	Đồng Thị Thanh Phương	07/04/2009	Nữ	Kinh	
27	11B3	2410757350	010351	Hoàng Trịnh Sơn	27/06/2009	Nam	Kinh	
28	11B3	2410757370	010354	Nguyễn Thị Đan Tâm	15/11/2009	Nữ	Kinh	
29	11B3	2410757390	010387	Bùi Hương Thảo	19/06/2009	Nữ	Kinh	
30	11B3	2410757410	010395	Nguyễn Yến Thi	17/07/2009	Nữ	Kinh	
31	11B3	2410757430	010397	Trần Nhất Thiên	30/12/2009	Nam	Kinh	
32	11B3	2410757450	010411	Phạm Anh Thư	04/12/2009	Nữ	Kinh	
33	11B3	2410757490	010424	Trần Hoàng Thảo Trang	21/02/2009	Nữ	Kinh	
34	11B3	2410757510	010371	Lê Tuấn Tú	21/02/2009	Nam	Kinh	
35	11B3	2410757530	010469	Trần Nguyên Vũ	07/08/2009	Nam	Kinh	
36	11B3	2410757550	010476	Trần Minh Như Ý	14/02/2009	Nữ	Kinh	
37	11B3	2410758010	010172	Nguyễn Trung Kiên	15/10/2009	Nam	Kinh	
38	11B3	2410822410	010112	Nguyễn Văn Hải	25/06/2009	Nam	Kinh	
39	11B3			Võ Như Quỳnh				

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11, NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Lớp	Mã học sinh	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	DT	Ghi chú
1	11B4	2411006630	010008	Nguyễn Vũ Trâm Anh	26/01/2009	Nữ	Kinh	
2	11B4	2411006650	010025	Bùi Ngọc Minh Ánh	01/10/2009	Nữ	Kinh	
3	11B4	2411006670	010036	Nguyễn Phương Cường	16/11/2009	Nam	Kinh	
4	11B4	2411006690	010055	Phan Văn Hoàng Diệp	27/09/2009	Nam	Kinh	
5	11B4	2411006710	010061	Trần Quốc Dũng	19/12/2009	Nam	Kinh	
6	11B4	2411006730	010060	Võ Trí Dũng	14/12/2009	Nam	Kinh	
7	11B4	2411006750	010076	Nguyễn Thùy Dương	23/01/2009	Nữ	Kinh	
8	11B4	2411006770	010081	Đỗ Hoàng Tuấn Đạt	30/03/2009	Nam	Kinh	
9	11B4	2411006790	010094	Nguyễn Tiến Đức	09/08/2009	Nam	Kinh	
10	11B4	2411006810	010104	Hoàng Trần Phương Hà	22/06/2009	Nữ	Kinh	
11	11B4	2411006830	010110	Nguyễn Thị Khánh Hạ	10/08/2009	Nữ	Kinh	
12	11B4	2411006850	010161	Bùi Khánh Huyền	13/03/2009	Nữ	Kinh	
13	11B4	2411006870	010195	Nguyễn Trần Anh Khôi	01/07/2009	Nam	Kinh	
14	11B4	2411006890	010210	Huỳnh Thị Phương Linh	26/11/2009	Nữ	Kinh	
15	11B4	2411006910	010211	Lê Ngọc Bảo Linh	14/06/2009	Nữ	Mường	
16	11B4	2411006930	010224	Lê Thành Long	24/06/2009	Nam	Kinh	
17	11B4	2411006950	010227	Nguyễn Trần Trúc Ly	12/11/2009	Nữ	Kinh	
18	11B4	2411006970	010231	Nguyễn Thế Mạnh	22/01/2009	Nam	Kinh	
19	11B4	2411007030	010271	Đinh Bảo Ngọc	04/06/2009	Nữ	Hrê	
20	11B4	2411007050	010272	Nguyễn Bảo Ngọc	05/09/2009	Nữ	Kinh	
21	11B4	2411007070	010297	Nguyễn Thành Nguyễn	20/09/2009	Nam	Kinh	
22	11B4	2411007090	010314	Đỗ Thị Bảo Như	19/03/2009	Nữ	Kinh	
23	11B4	2411007110	010325	Phan Đại Phúc	10/03/2009	Nam	Kinh	
24	11B4	2411007130	010329	Nguyễn Mai Phương	29/09/2009	Nữ	Kinh	
25	11B4	2411007150	010335	Lê Hoàng Quân	08/07/2009	Nam	Kinh	
26	11B4	2411007170	010403	Hoàng Thịnh	24/09/2009	Nam	Kinh	
27	11B4	2411007190	010420	Nguyễn Ngọc Ý Thương	12/12/2009	Nữ	Kinh	
28	11B4	2411007210	010358	Lê Thị Thùy Tiên	17/02/2009	Nữ	Kinh	
29	11B4	2411007230	010366	Hồ Sỹ Chánh Tín	21/11/2009	Nam	Kinh	
30	11B4	2411007270	010426	Nguyễn Thị Thùy Trang	24/01/2009	Nữ	Kinh	
31	11B4	2411007290	010427	Võ Thị Thu Trang	25/10/2009	Nữ	Kinh	
32	11B4	2411007310	010374	Mai Công Tuấn	21/05/2009	Nam	Gié-Triêng	
33	11B4	2411007330	010373	Trần Vũ Minh Tuấn	06/11/2009	Nam	Kinh	
34	11B4	2411007350	010456	Trần Nguyễn Thảo Uyên	14/03/2009	Nữ	Kinh	
35	11B4	2411007370	010465	Hồ Quốc Việt	05/06/2009	Nam	Kinh	
36	11B4	2411007390	010467	Ngô Quang Vinh	24/01/2009	Nam	Kinh	
37	11B4	2410765890	010454	Thân Nguyễn Ngân Trúc	22/12/2009	Nữ	Kinh	
38	11B4	2410916070	010332	Nguyễn Trần Thành Quang	30/05/2009	Nam	Kinh	
39	11B4	2410758770	010091	Nguyễn Vũ Phương Đông	12/05/2009	Nam	Kinh	
40	11B4	2410758990	010196	Trần Huỳnh Minh Lai	16/02/2009	Nam	Kinh	
41	11B4	2410758090	010249	Trần Nhật Nam	17/05/2009	Nam	Kinh	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11, NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Lớp	Mã học sinh	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	DT	Ghi chú
1	11B5	2410757790	010009	Nguyễn Thị Nhật Anh	23/09/2009	Nữ	Kinh	
2	11B5	2410757810	010068	Đoàn Nhật Duy	17/06/2009	Nam	Kinh	
3	11B5	2410757830	010082	Nguyễn Tấn Đạt	02/10/2009	Nam	Kinh	
4	11B5	2410757850	010095	Nguyễn Trọng Anh Đức	09/04/2009	Nam	Kinh	
5	11B5	2410757870	010098	Nguyễn Lê Giang	16/02/2009	Nam	Kinh	
6	11B5	2410757890	010105	Nguyễn Thị Thu Hà	28/01/2009	Nữ	Kinh	
7	11B5	2410757910	010118	Đỗ Bảo Hân	02/09/2009	Nữ	Kinh	
8	11B5	2410757930	010117	Lê Gia Hân	09/12/2009	Nữ	Kinh	
9	11B5	2410757950	010131	Đoàn Nguyên Hiếu	23/03/2009	Nữ	Kinh	
10	11B5	2410757970	010143	Đỗ Trương Tiến Hoàng	05/08/2009	Nam	Kinh	
11	11B5	2410757990	010187	Đoàn Ngọc Khánh	16/08/2009	Nữ	Mường	
12	11B5	2410758030	010226	Nguyễn Hữu Lợi	28/03/2009	Nam	Kinh	
13	11B5	2410758050	010237	Mai Phương Thảo My	01/07/2009	Nữ	Kinh	
14	11B5	2410758070	010248	Nguyễn Hoàng Bảo Nam	29/05/2009	Nam	Kinh	
15	11B5	2410758110	010255	Phạm Ngọc Bảo Ngân	08/09/2009	Nữ	Kinh	
16	11B5	2410758130	010273	Hoàng Cao Nguyên Ngọc	15/01/2009	Nữ	Kinh	
17	11B5	2410758150	010286	Đặng Nguyên	11/12/2009	Nam	Kinh	
18	11B5	2410758170	010285	Thái Thiên Nguyên	03/08/2009	Nam	Kinh	
19	11B5	2410758190	010321	Lê Tấn Phát	05/02/2009	Nam	Kinh	
20	11B5	2410758210	010320	Phan Tấn Phát	09/03/2009	Nam	Kinh	
21	11B5	2410758230	010336	Hoàng Gia Quân	16/09/2009	Nam	Kinh	
22	11B5	2410758250	010338	Nguyễn Minh Quốc	11/08/2009	Nam	Kinh	
23	11B5	2410758270	010340	Lê Trần Bảo Quyên	22/02/2009	Nữ	Kinh	
24	11B5	2410758290	010348	Trần Thanh Sang	24/04/2009	Nam	Kinh	
25	11B5	2410758310	010352	Lê Nguyễn Trường Sơn	27/12/2009	Nam	Kinh	
26	11B5	2410758330	010353	Quách Bảo Sơn	31/08/2009	Nam	Kinh	
27	11B5	2410758350	010384	Hồ Phạm Như Thành	13/11/2009	Nam	Kinh	
28	11B5	2410758370	010388	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/08/2009	Nữ	Kinh	
29	11B5	2410758410	010399	Nguyễn Toàn Thiện	15/07/2009	Nam	Kinh	
30	11B5	2410758430	010412	Thái Trần Minh Thư	03/11/2009	Nữ	Kinh	
31	11B5	2410758450	010359	Nguyễn Ngọc Thùy Tiên	15/02/2009	Nữ	Kinh	
32	11B5	2410758470	010428	Hồ Nguyễn Minh Trang	05/11/2009	Nữ	Ta-ôi	
33	11B5	2410758490	010453	Nguyễn Ngọc Mai Trúc	07/09/2009	Nữ	Kinh	
34	11B5	2410758510	010377	Dương Nhật Tùng	26/02/2009	Nam	Kinh	
35	11B5	2410758530	010379	Trần Cát Tường	30/10/2009	Nữ	Kinh	
36	11B5	2410758550	010459	Trần Kiến Văn	10/09/2009	Nam	Kinh	
37	11B5	2410758570	010477	Nguyễn Như Ý	20/09/2009	Nữ	Kinh	
38	11B5	2410915650	010084	Phạm Ngọc Đạt	14/06/2009	Nam	Kinh	
39	11B5			Trần Vũ Hoàng Long		Nam	Kinh	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11, NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Lớp	Mã học sinh	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	DT	Ghi chú
1	11B6	2410832750	010010	Phạm Nguyễn Trâm Anh	18/12/2009	Nữ	Kinh	
2	11B6	2410832770	010040	Nguyễn Thị Bảo Châu	08/05/2009	Nữ	Kinh	
3	11B6	2410832790	010041	Võ Nguyễn Minh Châu	31/10/2009	Nữ	Kinh	
4	11B6	2410832810	010044	Huỳnh Nguyễn Phương Chi	13/03/2009	Nữ	Kinh	
5	11B6	2410832830	010072	Đặng Thị Thùy Duyên	25/08/2009	Nữ	Kinh	
6	11B6	2410832850	010077	Lê Thụy Dương	13/08/2009	Nữ	Kinh	
7	11B6	2410832870	010083	Nguyễn Đăng Đạt	25/10/2009	Nam	Kinh	
8	11B6	2410832890	010092	Nguyễn Thành Đồng	10/02/2009	Nam	Kinh	
9	11B6	2410832910	010106	Phạm Thị Thanh Hà	19/06/2009	Nữ	Kinh	
10	11B6	2410832930	010119	Lê Ngọc Hân	26/01/2009	Nữ	Kinh	
11	11B6	2410832950	010120	Ngô Gia Hân	27/08/2009	Nữ	Kinh	
12	11B6	2410832970	010127	Võ Đức Hậu	13/05/2009	Nam	Kinh	
13	11B6	2410832990	010137	Nguyễn Nhân Hòa	17/11/2009	Nam	Kinh	
14	11B6	2410833010	010144	Phạm Minh Hoàng	15/04/2009	Nam	Kinh	
15	11B6	2410833030	010153	Dương Cao Huy	12/12/2009	Nam	Kinh	
16	11B6	2410833050	010154	Hoàng Nhật Huy	28/05/2009	Nam	Kinh	
17	11B6	2410833070	010152	Huỳnh Đình Huy	05/11/2009	Nam	Kinh	
18	11B6	2410833090	010151	Phùng Gia Huy	21/07/2009	Nam	Kinh	
19	11B6	2410833110	010170	Đậu Đức Hưởng	14/06/2009	Nam	Kinh	
20	11B6	2410833130	010180	Lưu Công An Khang	29/06/2009	Nam	Kinh	
21	11B6	2410833150	010188	Bùi Lý Hoàng Khánh	02/09/2009	Nữ	Kinh	
22	11B6	2410833170	010175	Phan Minh Kỳ	30/04/2009	Nam	Kinh	
23	11B6	2410833190	010198	Đặng Lê Thiên Lam	23/07/2009	Nữ	Kinh	
24	11B6	2410833210	010207	Phạm Hữu Lễ	21/04/2009	Nam	Kinh	
25	11B6	2410833230	010232	Vũ Như Mạnh	23/01/2009	Nam	Kinh	
26	11B6	2410833250	010238	Đỗ Cao Trà My	21/08/2009	Nữ	Kinh	
27	11B6	2410833270	010250	Trần Bảo Nam	26/06/2009	Nam	Kinh	
28	11B6	2410833290	010288	Nguyễn Hoàng Thảo Nguyên	20/03/2009	Nữ	Kinh	
29	11B6	2410833310	010287	Trần Mỹ Nguyên	23/01/2009	Nữ	Kinh	
30	11B6	2410833330	010301	Đào Hoàng Nhân	22/02/2009	Nam	Kinh	
31	11B6	2410833350	010306	Trần Thị Thảo Nhi	11/08/2009	Nữ	Kinh	
32	11B6	2410833370	010341	Nguyễn Cao Ngọc Quyên	08/09/2009	Nữ	Kinh	
33	11B6	2410833390	010357	Nguyễn Trường Tân	19/11/2009	Nam	Kinh	
34	11B6	2410833410	010404	Phan Tiên Thịnh	28/12/2009	Nam	Kinh	
35	11B6	2410833430	010368	Đặng Thê Tịnh	01/04/2009	Nam	Kinh	
36	11B6	2410833450	010446	Lê Nguyễn Bảo Trân	11/06/2009	Nữ	Kinh	
37	11B6	2410833470	010375	Trần Anh Tuấn	03/10/2009	Nam	Kinh	
38	11B6	2410833490	010380	Trần Thị Cát Tường	22/03/2009	Nữ	Kinh	
39	11B6	2410833510	010460	Mai Thành Vãn	25/11/2009	Nam	Kinh	
40	11B6	2410833530	010472	Lâm Thanh Vy	08/05/2009	Nữ	Kinh	
41	11B6	2410833550	010473	Trần Đàm Phương Vy	28/08/2009	Nữ	Kinh	
42	11B6	2406361890	010483	Phan Nhật Quang	09/09/2009	Nam	Kinh	
43	11B6	2410758390	010389	Văn Như Dạ Thảo	11/03/2009	Nữ	Kinh	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11, NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Lớp	Mã học sinh	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	DT	Ghi chú
1	11B7	2410822210	010012	Lương Hoàng Anh	11/01/2009	Nữ	Kinh	
2	11B7	2410822230	010013	Nguyễn Hữu Vinh Anh	01/05/2009	Nam	Kinh	
3	11B7	2410822270	010030	Lại Phú Bảo	20/12/2009	Nam	Kinh	
4	11B7	2410822290	010033	Lê Văn Thiên Bình	27/12/2009	Nam	Kinh	
5	11B7	2410822310	010045	Võ Quế Chi	30/01/2009	Nữ	Kinh	
6	11B7	2410822350	010062	Đoàn Minh Dũng	11/07/2009	Nam	Kinh	
7	11B7	2410822370	010079	Nguyễn Ngọc Nhã Đan	29/12/2009	Nữ	Kinh	
8	11B7	2410822390	010099	Lê Công Long Giang	29/12/2009	Nam	Kinh	
9	11B7	2410822430	010132	Nguyễn Công Hiếu	16/06/2009	Nam	Kinh	
10	11B7	2410822450	010145	Đặng Việt Hoàng	07/09/2009	Nam	Kinh	
11	11B7	2410822470	010147	Tạ Thị Kim Hồng	10/08/2009	Nữ	Kinh	
12	11B7	2410822490	010183	Nguyễn Ngọc Khanh	22/01/2009	Nam	Kinh	
13	11B7	2410822510	010189	Nguyễn Hà Duy Khánh	07/09/2009	Nam	Kinh	
14	11B7	2410822530	010193	Hoàng Đăng Khoa	29/11/2009	Nam	Kinh	
15	11B7	2410822550	010194	Tô Vũ Anh Khoa	16/07/2009	Nam	Kinh	
16	11B7	2410822570	010200	Trịnh Thị Hương Lan	24/11/2009	Nữ	Kinh	
17	11B7	2410822590	010204	Hồ Thanh Lâm	04/11/2009	Nam	Kinh	
18	11B7	2410822610	010212	Bùi Lương Phúc Linh	08/07/2009	Nam	Mường	
19	11B7	2410822630	010225	Phạm Chí Lộc	11/04/2009	Nam	Kinh	
20	11B7	2410822650	010239	Đinh Thảo My	12/06/2009	Nữ	Kinh	
21	11B7	2410822670	010274	Nguyễn Bảo Ngọc	08/10/2009	Nữ	Kinh	
22	11B7	2410822690	010290	Bùi Tiến Nguyên	25/05/2009	Nam	Kinh	
23	11B7	2410822710	010289	Võ Thái Nguyên	12/12/2009	Nam	Kinh	
24	11B7	2410822730	010291	Võ Thảo Nguyên	15/11/2009	Nữ	Kinh	
25	11B7	2410822750	010303	Đinh Huỳnh Thiện Nhân	25/08/2009	Nam	Kinh	
26	11B7	2410822790	010307	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	30/08/2009	Nữ	Kinh	
27	11B7	2410822810	010315	Đỗ Thị Quỳnh Như	02/01/2009	Nữ	Kinh	
28	11B7	2410822830	010252	Phạm Ngọc Ny	28/04/2009	Nữ	Kinh	
29	11B7	2410822850	010322	Phan Văn Phi	02/07/2009	Nam	Kinh	
30	11B7	2410822870	010345	Nguyễn Tấn Quyết	20/02/2009	Nam	Kinh	
31	11B7	2410822890	010355	Nguyễn Phạm Minh Tâm	20/01/2009	Nữ	Kinh	
32	11B7	2410822910	010398	Nguyễn Hoàng Thiên	12/12/2009	Nam	Kinh	
33	11B7	2410822930	010437	Lê Hoàng Bích Trâm	10/02/2009	Nữ	Kinh	
34	11B7	2410822950	010436	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	05/02/2009	Nữ	Kinh	
35	11B7	2410822990	010470	Lê Đỗ Anh Vũ	06/11/2009	Nam	Kinh	
36	11B7	2406357190	010482	Trần Nguyễn Hà Anh	11/09/2009	Nữ	Kinh	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11, NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Lớp	Mã học sinh	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	DT	Ghi chú
1	11B8	2410804650	010014	Vũ Hoàng Anh	17/06/2009	Nữ	Kinh	
2	11B8	2410804670	010034	Nguyễn Quang Bình	16/01/2009	Nam	Kinh	
3	11B8	2410804690	010046	Nguyễn Quỳnh Chi	11/11/2009	Nữ	Kinh	
4	11B8	2410804710	010063	Nguyễn Trung Dũng	28/07/2009	Nam	Kinh	
5	11B8	2410804730	010073	Lê Mỹ Duyên	30/01/2009	Nữ	Kinh	
6	11B8	2410804750	010074	Lê Thị Kiều Duyên	29/11/2009	Nữ	Kinh	
7	11B8	2410804770	010086	Trần Trịnh Minh Đăng	31/08/2009	Nam	Kinh	
8	11B8	2410804790	010087	Huỳnh Quốc Định	06/01/2009	Nam	Kinh	
9	11B8	2410804810	010100	Nguyễn Hồng Giang	27/12/2009	Nữ	Kinh	
10	11B8	2410804830	010102	Cao Nguyễn Mỹ Giao	09/07/2009	Nữ	Kinh	
11	11B8	2410804850	010113	Mai Ngọc Hải	18/02/2009	Nam	Kinh	
12	11B8	2410804870	010122	Ngô Gia Hân	11/02/2009	Nữ	Kinh	
13	11B8	2410804890	010121	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	11/01/2009	Nữ	Kinh	
14	11B8	2410804910	010146	Bùi Minh Hoàng	06/01/2009	Nam	Kinh	
15	11B8	2410804930	010157	Nguyễn Thành Huy	06/11/2009	Nam	Kinh	
16	11B8	2410804950	010155	Tạ Việt Huy	01/09/2009	Nam	Kinh	
17	11B8	2410804970	010156	Trần Công Huy	30/09/2009	Nam	Kinh	
18	11B8	2410804990	010162	Cao Thị Thanh Huyền	19/03/2009	Nữ	Kinh	
19	11B8	2410805010	010167	Phan Tấn Hưng	18/09/2009	Nam	Kinh	
20	11B8	2410805030	010168	Trương Trung Hưng	13/04/2009	Nam	Kinh	
21	11B8	2410805050	010181	Bùi Nguyễn Bảo Khang	12/01/2009	Nam	Kinh	
22	11B8	2410805070	010205	Đinh Hoàng Lâm	12/05/2009	Nam	Kinh	
23	11B8	2410805090	010206	Nguyễn Hải Lâm	20/05/2009	Nam	Kinh	
24	11B8	2410805110	010213	Phạm Thị Cẩm Linh	16/07/2009	Nữ	Kinh	
25	11B8	2410805130	010240	Hồ Thị Ngọc My	13/01/2009	Nữ	Kinh	
26	11B8	2410805150	010257	Nguyễn Lê Thiên Ngân	11/03/2009	Nữ	Kinh	
27	11B8	2410805170	010256	Nguyễn Thị Kim Ngân	06/04/2009	Nữ	Kinh	
28	11B8	2410805190	010268	Thào Chính Nghiệp	01/10/2009	Nam	Xơ-dăng	
29	11B8	2410805210	010275	Lã Thị Bích Ngọc	09/04/2009	Nữ	Kinh	
30	11B8	2410805230	010304	Tạ Nguyễn An Nhân	04/04/2009	Nam	Kinh	
31	11B8	2410805250	010308	Đoàn Lâm Nhi	15/08/2009	Nữ	Kinh	
32	11B8	2410805270	010326	Lê Đình Phúc	29/01/2009	Nam	Kinh	
33	11B8	2410805290	010349	Trần Cao Hoàng Sang	01/06/2009	Nam	Kinh	
34	11B8	2410805310	010356	Nguyễn Lê Thanh Tâm	02/11/2009	Nữ	Kinh	
35	11B8	2410805330	010413	Đặng Ngọc Xuân Thư	12/01/2009	Nữ	Kinh	
36	11B8	2410805350	010439	Lê Trương Huyền Trâm	02/12/2009	Nữ	Kinh	
37	11B8	2410805370	010438	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	19/10/2009	Nữ	Kinh	
38	11B8	2410805390	010451	Nguyễn Quốc Trọng	16/02/2009	Nam	Kinh	
39	11B8	2410805410	010457	Lê Hoàng Nhã Uyên	09/08/2009	Nữ	Kinh	
40	11B8	2410805430	010480	Nguyễn Hoàng Yên	08/10/2009	Nữ	Kinh	
41	11B8	2410822330	010037	Nguyễn Trí Cường	14/07/2009	Nam	Kinh	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11, NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Lớp	Mã học sinh	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	DT	Ghi chú
1	11B9	2410987570	010001	Nguyễn Thị Bình An	12/01/2009	Nữ	Kinh	
2	11B9	2410987590	010015	Hoàng Lan Anh	31/08/2009	Nữ	Kinh	
3	11B9	2410987610	010016	Nguyễn Phạm Hoàng Anh	22/10/2009	Nam	Kinh	
4	11B9	2410987630	010017	Vương Hồng Anh	23/02/2009	Nữ	Kinh	
5	11B9	2410987650	010047	Võ Ngọc Quế Chi	26/09/2009	Nữ	Kinh	
6	11B9	2410987670	010064	Nguyễn Tiến Dũng	25/09/2009	Nam	Kinh	
7	11B9	2410987690	010075	Phan Thị Ngọc Duyên	14/06/2009	Nữ	Kinh	
8	11B9	2410987710	010114	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	07/02/2009	Nữ	Kinh	
9	11B9	2410987730	010123	Ngô Gia Hân	10/01/2009	Nữ	Kinh	
10	11B9	2410987750	010169	Trần Nguyễn Lan Hương	19/05/2009	Nữ	Kinh	
11	11B9	2410987770	010201	Lê Phương Lan	14/03/2009	Nữ	Kinh	
12	11B9	2410987790	010215	Hàng Vũ Gia Linh	20/02/2009	Nữ	Kinh	
13	11B9	2410987810	010214	Lê Hồ Huyền Linh	20/04/2009	Nữ	Kinh	
14	11B9	2410987830	010216	Ngô Nguyễn Khánh Linh	14/04/2009	Nữ	Kinh	
15	11B9	2410987850	010218	Nguyễn Thị Ngọc Linh	11/06/2009	Nữ	Kinh	
16	11B9	2410987870	010217	Trần Diệu Linh	28/12/2009	Nữ	Kinh	
17	11B9	2410987890	010230	Tô Nguyễn Khánh Mai	13/04/2009	Nữ	Kinh	
18	11B9	2410987910	010260	Nguyễn Hoàng Phương Ngân	06/05/2009	Nữ	Kinh	
19	11B9	2410987930	010258	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	23/07/2009	Nữ	Kinh	
20	11B9	2410987950	010259	Nguyễn Thanh Ngân	07/08/2009	Nữ	Kinh	
21	11B9	2410987970	010265	Mai Nguyễn Gia Nghi	19/06/2009	Nữ	Kinh	
22	11B9	2410987990	010276	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	07/06/2009	Nữ	Kinh	
23	11B9	2410988010	010293	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	18/02/2009	Nữ	Kinh	
24	11B9	2410988050	010309	Hồ Hoàng Nhi	16/02/2009	Nữ	Xơ-đăng	
25	11B9	2410988070	010316	Phạm Quỳnh Như	28/11/2009	Nữ	Kinh	
26	11B9	2410988090	010317	Trần Gia Như	19/01/2009	Nữ	Kinh	
27	11B9	2410988110	010343	Đỗ Thị Mỹ Quyên	30/09/2009	Nữ	Kinh	
28	11B9	2410988130	010342	Trần Thảo Quyên	13/04/2009	Nữ	Kinh	
29	11B9	2410988150	010383	Lương Mai Thanh Thanh	10/01/2009	Nữ	Kinh	
30	11B9	2410988170	010405	Lê Nguyễn Vân Thùy	04/07/2009	Nữ	Kinh	
31	11B9	2410988190	010414	Lê Nguyễn Anh Thư	24/02/2009	Nữ	Kinh	
32	11B9	2410988210	010415	Lê Thị Minh Thư	20/04/2009	Nữ	Kinh	
33	11B9	2410988230	010429	Phạm Vũ Huyền Trang	01/01/2009	Nữ	Kinh	
34	11B9	2410988250	010441	Lê Ngọc Bảo Trâm	19/01/2009	Nữ	Kinh	
35	11B9	2410988270	010440	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	13/01/2009	Nữ	Kinh	
36	11B9	2410988290	010448	Huỳnh Huyền Trân	29/06/2009	Nữ	Kinh	
37	11B9	2410988310	010450	Lê Phương Trinh	12/02/2009	Nữ	Kinh	
38	11B9	2410988330	010478	Võ Thị Như Ý	23/08/2009	Nữ	Kinh	
39	11B9	2410915990	010279	Nguyễn Thị An Ngọc	30/07/2009	Nữ	Kinh	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11, NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Lớp	Mã học sinh	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	DT	Ghi chú
1	11B10	2410765150	010018	Lê Trần Hoài Anh	07/10/2009	Nữ	Kinh	
2	11B10	2410765170	010019	Nguyễn Ngân Anh	12/05/2009	Nữ	Kinh	
3	11B10	2410765190	010048	Nguyễn Kim Chi	29/05/2009	Nữ	Kinh	
4	11B10	2410765210	010065	Nguyễn Thiện Dũng	12/07/2009	Nam	Kinh	
5	11B10	2410765230	010069	Bùi Quang Đức Duy	21/08/2009	Nam	Kinh	
6	11B10	2410765250	010090	Nguyễn Phương Đông	15/02/2009	Nữ	Kinh	
7	11B10	2410765270	010115	Lê Thị Thủy Hằng	20/08/2009	Nữ	Kinh	
8	11B10	2410765290	010124	Phạm Đỗ Diệu Hân	04/09/2009	Nữ	Kinh	
9	11B10	2410765310	010133	Phạm Ngọc Hoa	04/09/2009	Nữ	Kinh	
10	11B10	2410765330	010158	Lâm Gia Huy	28/11/2009	Nam	Kinh	
11	11B10	2410765350	010202	Trần Minh Ngọc Lan	24/04/2008	Nữ	Kinh	
12	11B10	2410765370	010221	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	11/08/2009	Nữ	Kinh	
13	11B10	2410765390	010219	Trần Thị Nhật Linh	18/11/2009	Nữ	Kinh	
14	11B10	2410765410	010220	Trần Thùy Hà Linh	29/09/2009	Nữ	Kinh	
15	11B10	2410765430	010241	Trần Thị Thảo My	07/09/2009	Nữ	Kinh	
16	11B10	2410765450	010251	Đặng Hoàng Nam	11/09/2009	Nam	Kinh	
17	11B10	2410765470	010267	Trần Hữu Nghĩa	21/07/2009	Nam	Kinh	
18	11B10	2410765490	010277	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	14/07/2009	Nữ	Kinh	
19	11B10	2410765510	010278	Trần Thị Bích Ngọc	25/07/2009	Nữ	Kinh	
20	11B10	2410765530	010294	Nguyễn Khôi Nguyên	15/08/2009	Nam	Kinh	
21	11B10	2410765550	010299	Hoàng Kim Ánh Nguyệt	31/01/2009	Nữ	Kinh	
22	11B10	2410765570	010298	Y Jơ Nguyệt	29/09/2009	Nữ	Ba-na	
23	11B10	2410765590	010318	Đinh Trần Quỳnh Như	10/12/2009	Nữ	Kinh	
24	11B10	2410765610	010319	Nguyễn Hồng Thiên Oanh	27/04/2009	Nữ	Kinh	
25	11B10	2410765630	010331	Hoàng Ngọc Bích Phương	27/02/2009	Nữ	Kinh	
26	11B10	2410765650	010330	Nguyễn Ngọc Hà Phương	16/09/2009	Nữ	Kinh	
27	11B10	2410765670	010337	Trần Minh Quân	17/04/2009	Nam	Kinh	
28	11B10	2410765690	010344	Tường Nguyễn Tường Quyên	11/03/2009	Nữ	Kinh	
29	11B10	2410765710	010346	Nguyễn Thị Như Quỳnh	26/03/2009	Nữ	Kinh	
30	11B10	2410765730	010385	Trần A Đại Thành	24/11/2009	Nam	Rơ-măm	
31	11B10	2410765750	010390	Hoàng Thị Thanh Thảo	19/10/2009	Nữ	Kinh	
32	11B10	2410765770	010391	Phạm Thị Phương Thảo	10/11/2009	Nữ	Kinh	
33	11B10	2410765790	010406	Nguyễn Thị Thanh Thúy	08/07/2009	Nữ	Kinh	
34	11B10	2410765810	010422	Lê Hồ Nhật Thy	16/09/2009	Nữ	Kinh	
35	11B10	2410765830	010360	Nguyễn Thị Thủy Tiên	21/05/2009	Nữ	Kinh	
36	11B10	2410765850	010369	Đỗ Minh Toàn	17/02/2009	Nam	Kinh	
37	11B10	2410765870	010449	Hoàng Huyền Trân	03/08/2009	Nữ	Kinh	
38	11B10	2410765910	010458	Nguyễn Thu Uyên	25/06/2009	Nữ	Kinh	
39	11B10	2410765930	010474	Trần Hoàng Khánh Vy	30/11/2009	Nữ	Kinh	
40	11B10	2410915770	010182	Đỗ Nguyên Khang	27/03/2009	Nam	Kinh	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11, NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Lớp	Mã học sinh	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	DT	Ghi chú
1	11B11	2410915470	010020	Đào Tuấn Anh	02/07/2009	Nam	Kinh	
2	11B11	2410915490	010021	Nguyễn Ngọc Tuệ Anh	09/10/2009	Nữ	Kinh	
3	11B11	2410915510	010022	Phùng Lê Tuyết Anh	11/12/2009	Nữ	Kinh	
4	11B11	2410915530	010031	Nguyễn Công Gia Bảo	13/10/2009	Nam	Kinh	
5	11B11	2410915550	010042	Phạm Thị Ngọc Châu	04/08/2009	Nữ	Kinh	
6	11B11	2410915570	010049	Võ Khánh Chi	24/10/2009	Nữ	Kinh	
7	11B11	2410915590	010056	Võ Thị Thùy Dung	13/01/2009	Nữ	Kinh	
8	11B11	2410915610	010066	Đoàn Đại Dũng	05/03/2009	Nam	Kinh	
9	11B11	2410915630	010070	Nguyễn Bảo Duy	17/12/2009	Nam	Kinh	
10	11B11	2410915670	010096	Phạm Hoàng Mỹ Đức	20/10/2009	Nữ	Kinh	
11	11B11	2410915690	010107	Hồ Ngọc Thanh Hà	08/08/2009	Nữ	Kinh	
12	11B11	2410915710	010125	Bùi Võ Bảo Hán	13/02/2009	Nữ	Kinh	
13	11B11	2410915730	010126	Nguyễn Gia Hán	24/10/2009	Nữ	Kinh	
14	11B11	2410915750	010163	Đào Khánh Huyền	03/07/2009	Nữ	Kinh	
15	11B11	2410915790	010199	Phạm Hồng Lam	27/11/2009	Nữ	Kinh	
16	11B11	2410915810	010222	Lê Bùi Phương Linh	17/09/2009	Nữ	Kinh	
17	11B11	2410915830	010228	Huỳnh Hoài Ly Ly	15/03/2009	Nữ	Kinh	
18	11B11	2410915850	010235	Cao Thị Xuân Minh	09/09/2009	Nữ	Kinh	
19	11B11	2410915870	010242	Huỳnh Trương Thảo My	18/12/2009	Nữ	Kinh	
20	11B11	2410915890	010262	Đặng Thanh Ngân	25/11/2009	Nữ	Kinh	
21	11B11	2410915910	010263	Lê Nguyễn Thùy Ngân	27/05/2009	Nữ	Kinh	
22	11B11	2410915930	010264	Nguyễn Thị Kim Ngân	17/08/2009	Nữ	Kinh	
23	11B11	2410915950	010261	Trịnh Thị Kim Ngân	10/02/2009	Nữ	Kinh	
24	11B11	2410915970	010266	Hoàng Gia Nghi	05/06/2009	Nữ	Kinh	
25	11B11	2410916010	010295	Nguyễn Phúc Nguyên	22/04/2009	Nam	Kinh	
26	11B11	2410916030	010300	Tổng Bảo Nhân	15/08/2009	Nữ	Kinh	
27	11B11	2410916050	010310	Nguyễn Hồ Yến Nhi	29/11/2009	Nữ	Kinh	
28	11B11	2410916090	010392	Lê Dạ Thảo	28/04/2009	Nữ	Kinh	
29	11B11	2410916110	010416	Đoàn Ngọc Anh Thư	19/04/2009	Nữ	Kinh	
30	11B11	2410916130	010417	Huỳnh Anh Thư	22/12/2009	Nữ	Kinh	
31	11B11	2410916150	010364	Phan Mạnh Tiến	19/01/2009	Nam	Kinh	
32	11B11	2410916170	010432	Lê Nguyễn Quỳnh Trang	04/04/2009	Nữ	Kinh	
33	11B11	2410916190	010430	Nguyễn Mai Trang	22/08/2009	Nữ	Kinh	
34	11B11	2410916210	010431	Nguyễn Thị Phương Trang	10/04/2009	Nữ	Kinh	
35	11B11	2410916230	010443	Nguyễn Đàm Bảo Trâm	07/02/2009	Nữ	Kinh	
36	11B11	2410916250	010442	Nguyễn Kiều Trâm	01/04/2009	Nữ	Kinh	
37	11B11	2410916270	010461	Trần Thị Thanh Vân	18/12/2009	Nữ	Kinh	
38	11B11	2410822250	010011	Vũ Nguyễn Minh Anh	05/06/2009	Nữ	Kinh	
39	11B11	2410822970	010447	Trần Bảo Trân	03/01/2009	Nữ	Kinh	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11, NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Lớp	Mã học sinh	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	DT	Ghi chú
1	11B12	2410758610	010023	Y Thị Kiều Anh	13/03/2009	Nữ	Gia-rai	
2	11B12	2410758630	010032	Trần Hoài Bằng	06/10/2009	Nữ	Kinh	
3	11B12	2410758650	010050	Đặng Ngọc Quê Chi	14/02/2009	Nữ	Kinh	
4	11B12	2410758670	010051	Nguyễn Kiều Bách Chiên	20/08/2009	Nam	Kinh	
5	11B12	2410758690	010053	Nguyễn Thị Kiều Diễm	01/08/2009	Nữ	Kinh	
6	11B12	2410758710	010054	Y Diên	28/06/2009	Nữ	Rơ-ngao	
7	11B12	2410758730	010085	Dương Bùi Tuấn Đạt	09/06/2009	Nam	Kinh	
8	11B12	2410758750	010089	Huỳnh Lê Khánh Đoan	09/01/2009	Nữ	Kinh	
9	11B12	2410758790	010101	Trần Nguyễn Tô Giang	30/08/2009	Nữ	Kinh	
10	11B12	2410758810	010108	Đường Thị Ngọc Hà	19/08/2009	Nữ	Kinh	
11	11B12	2410758830	010109	Nguyễn Minh Hà	13/07/2009	Nữ	Kinh	
12	11B12	2410758850	010134	Nguyễn Thị Hoa	07/05/2009	Nữ	Kinh	
13	11B12	2410758870	010138	Nguyễn Thị Minh Hòa	16/04/2009	Nữ	Kinh	
14	11B12	2410758890	010148	Nguyễn Hoàng Bích Hợp	30/06/2009	Nữ	Kinh	
15	11B12	2410758910	010150	Vũ Phan Thanh Hùng	19/10/2009	Nam	Kinh	
16	11B12	2410758930	010159	Nguyễn Đình Quốc Huy	17/06/2009	Nam	Kinh	
17	11B12	2410758950	010164	Phạm Ngọc Khánh Huyền	20/07/2009	Nữ	Kinh	
18	11B12	2410758970	010190	Đặng Quang Khánh	03/09/2009	Nam	Kinh	
19	11B12	2410759010	010223	Nguyễn Đăng Tuấn Linh	26/06/2009	Nam	Kinh	
20	11B12	2410759030	010244	Đặng Lê Giang My	20/06/2009	Nữ	Kinh	
21	11B12	2410759050	010243	Nguyễn Xuân Thảo My	17/03/2009	Nữ	Kinh	
22	11B12	2410759070	010296	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	10/05/2009	Nữ	Kinh	
23	11B12	2410759090	010311	Nguyễn Bảo Nhi	23/09/2009	Nữ	Kinh	
24	11B12	2410759110	010313	Trần Tuyết Nhung	12/12/2009	Nữ	Kinh	
25	11B12	2410759130	010253	Trương Hạ Huyền Ny	25/02/2009	Nữ	Kinh	
26	11B12	2410759150	010400	Nguyễn Thế Thiện	13/07/2009	Nam	Kinh	
27	11B12	2410759170	010418	Phan Thị Anh Thư	02/02/2009	Nữ	Kinh	
28	11B12	2410759190	010421	Phạm Hà Thương	10/02/2009	Nữ	Kinh	
29	11B12	2410759210	010423	Nguyễn Nhật Anh Thy	27/01/2009	Nữ	Kinh	
30	11B12	2410759230	010365	Trần Quang Tiến	15/01/2009	Nam	Kinh	
31	11B12	2410759250	010367	Lê Bảo Tín	21/01/2009	Nam	Kinh	
32	11B12	2410759270	010433	Mai Hoàng Thu Trang	15/10/2009	Nữ	Kinh	
33	11B12	2410759290	010455	Nguyễn Thị Thanh Trúc	09/01/2009	Nữ	Kinh	
34	11B12	2410759310	010372	Trần Cẩm Tú	06/10/2009	Nữ	Kinh	
35	11B12	2410759330	010382	Nguyễn Bảo Tường	09/03/2009	Nam	Kinh	
36	11B12	2410759350	010463	Đào Phan Tường Vi	17/04/2009	Nữ	Kinh	
37	11B12	2524317050	010484	Đàm Khiết Tường	12/08/2009	Nữ	Kinh	
38	11B12	2410988030	010292	Nguyễn Trọng Nguyên	18/04/2009	Nam	Kinh	
39	11B12			Phạm Đức Minh Hoàng	09/09/2009	Nam	Kinh	
40	11B12			Nguyễn Hoàng Phước Nguyên	16/12/2009	Nữ	Kinh	
41	11B12			Võ Anh Thư		Nữ	Kinh	